

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày /4/2021 của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.816.559</b>	<b>1.932.121</b>	<b>25%</b>	<b>135%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>6.601.290</b>	<b>1.194.943</b>	<b>18%</b>	<b>97%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>834.020</b>	<b>173.483</b>	<b>21%</b>	<b>85%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	834.020	173.483	21%	85%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.455.327</b>	<b>1.021.460</b>	<b>19%</b>	<b>99%</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.469.039	441.910	18%	100%
2	Chi khoa học và công nghệ	14.286	418	3%	4%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	632.764	133.232	21%	123%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	55.961	5.599	10%	85%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	50.157	7.334	15%	37%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	22.428	2.463	11%	157%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	24.000			
8	Chi sự nghiệp kinh tế	663.623	83.599	13%	80%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	638.051	136.266	21%	98%
10	Chi bảo đảm xã hội	134.026	29.604	22%	124%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>350</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>			
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>140.234</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>1.215.269</b>	<b>737.178</b>	<b>61%</b>	<b>377%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		2.534		13%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	1.215.269	734.644	60%	417%